

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 470/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 21- 11-2018
V/v: Tranh chấp, ly hôn
giữa anh Đ với chị H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh

-Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cư;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Mộng Thu- thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh- kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2018/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp, ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 420/ 2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/10/2018 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Dương Văn Đ, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Tổ 15, ấp Tân Phú B, xã Tân An, thị xã Tân châu, tỉnh An Giang (có mặt);

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị H (Trần Thị H), sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp Núi Nổi, xã Tân Thạnh, thị xã Tân châu, tỉnh An Giang (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của anh Dương Văn Đ đề ngày 04/6/2018 và tại phiên tòa thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Anh Dương văn Đ với chị Lê Thị H yêu nhau và được cha mẹ hai bên đồng ý nên anh chị đã tổ chức lễ cưới vào năm 2003, sau đó anh chị đi đăng ký kết hôn trễ hạn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 106/TLKH ngày 01/9/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Tân An. Sau khi cưới nhau anh chị sống hạnh phúc được sáu năm thì hai người nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, chị H không trung thực, vợ

chồng thường cự cãi. Gia đình hai bên có đứng ra can ngăn nhưng không thành. Nay anh Đ cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sống không có hạnh phúc. Do đó, anh Đ xin được ly hôn với chị H.

Về con chung: Theo anh Đ thì anh với chị H có với nhau một đứa con tên Dương Thị Ý N, sinh ngày 28/9/2004 hiện đang sống với anh Đ, khi ly hôn anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Theo anh Đ, anh với chị H không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị H được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị H vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến của mình.

Ý kiến phát biểu của đại diện viện kiểm sát: Về tố tụng Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến khi mở phiên tòa xét xử và tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đầy đủ, đúng theo trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định; về nội dung, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ vụ án được công bố thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi HĐXX) xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án “tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Sự kiện pháp lý xảy ra, theo đơn khởi của anh Dương Văn Đ đề ngày 04/6/2018 xin ly hôn với chị Lê Thị H, vì vậy cần áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

Hôn nhân giữa anh Đ với chị H có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Theo biên bản xác minh ngày 17/9/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thì chị H có hộ khẩu thường trú tại tổ 11, ấp Núi Nổi, xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Chị H họ và tên trong hộ khẩu là Trần Thị H. Tên trong giấy đăng ký kết hôn là Lê Thị H. Lê Thị H và Trần Thị H là một người, chị H có hộ khẩu chung cũng là con của ông Phạm Văn K và bà Trần Thị U. Chị H đi làm ăn xa không báo với địa phương. Như vậy chị H cố tình che giấu địa chỉ. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3]. Về hôn nhân: Theo anh Đ thì anh Dương Văn Đ với chị Lê Thị H yêu nhau và được cha mẹ hai bên đồng ý nên anh chị đã tổ chức lễ cưới vào năm 2003, sau đó anh chị đi đăng ký kết hôn trễ hạn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 106/TLKH ngày 01/9/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Tân An. Sau khi cưới nhau anh chị sống hạnh phúc được sáu năm

thì hai người nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, chị H không trung thực, vợ chồng thường cự cãi. Gia đình hai bên có đứng ra hàn gắn nhưng không thành. Nay anh Đ cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sống không có hạnh phúc. Do đó anh Đ xin được ly hôn với chị H.

Chị Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị H vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản nêu ý kiến quan điểm của mình. Tại biên bản xác minh ngày 17/9/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, bà Trần Thị U là mẹ ruột của chị Lê Thị H khẳng định giữa anh Đ với chị H về tình cảm đã mâu thuẫn nghiêm trọng, theo bà U, Tòa án cho anh Đ với chị H ly hôn là hợp lý. Như vậy cho thấy về tình cảm giữa anh Đ với chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nay anh Đ xin được ly hôn với chị H là hợp lý được HĐXX chấp nhận.

[4]. Về con chung: Theo anh Đ thì anh với chị H có với nhau một đứa con tên Dương Thị Ý N, sinh ngày 28/9/2004 hiện đang sống với anh Đ, khi ly hôn anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, nguyện vọng của cháu Ý N muốn được sống với anh Đ. Do đó, Xét thấy yêu cầu này của anh Đ là hợp lý nên được HĐXX chấp nhận. Giao cháu Ý N cho anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng. Bên cạnh đó công nhận sự tự nguyện nuôi con của anh Đ mà không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

“ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; chị H có quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở; cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”

[5]. Về tài sản và nợ chung: Theo anh Dương Văn Đ trình bày thì anh với chị Lê Thị H không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không đặt ra để giải quyết trong bản án này. Sau này nếu chị H cho rằng giữa chị với anh Đ có tài sản và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì chị H vẫn có quyền khởi kiện anh Đ ra Tòa án để yêu cầu giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Anh Dương Văn Đ là nguyên đơn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án thì anh Dương Văn Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0004694 ngày 14/6/2018 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng

dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Anh Dương Văn Đ được ly hôn với chị Lê Thị H (Trần Thị H).
2. Về con chung: Giao cháu tên Dương Thị Ý N, sinh ngày 28/9/2004 cho anh Dương Văn Đ được tiếp tục nuôi dưỡng. Công nhận sự tự nguyện nuôi con của anh Đ mà không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con
“ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; chị H có quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở; cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”
3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Nếu giữa hai người có tranh chấp với nhau về tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì chị Lê Thị H vẫn có quyền khởi kiện anh Dương Văn Đ để yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật;
4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Dương Văn Đ phải chịu 300.000 đồng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0004694 ngày 14/6/2018 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án anh Đ có quyền kháng cáo. Riêng chị H vắng mặt vẫn được quyền kháng cáo trong hạn trên kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu tòa xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- THA thị xã Tân Châu;
- UBND xã Tân An
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thế Minh